TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2018
"V/v tranh chấp chia tài sản C sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hoàn

Các hội thẩm dân nhân: Ông Nguyễn Quốc Trung

Ông Viêm Văn Doãn.

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thanh Ngọc - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 423/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2018 về việc "Tranh chấp chia tài sản C sau ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Đình C, sinh 1976.

HKTT: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh N, sinh 1971; trú quán: khu T, phường K, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo giấy ủy quyền lập ngày 15/06/2018 của anh Lê Đình C.

Bị đơn: Chị Vũ Thị D, sinh 1977.

HKTT: Thôn P, xã Đ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Trú tại: Khu B, phường V, Tp Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi công tác: Trường mầm non Đ, khu A, phường Đ, Tp Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh 1985

TQ: Số 470 T, p K, Tp Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

2. Anh Lê Anh D, sinh 2002

Người đại diện của anh D: Chị Vũ Thị D, sinh 1977 (mẹ đẻ)

Cùng HKTT: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Trú tại: Khu B, phường V, Tp Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện cùng các lời khai tiếp theo tại tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Lê Đình C do anh Nguyễn Anh N đại diện trình bày:

Anh Lê Đình C và chị Vũ Thị D đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 162/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Theo quyết định này thì phần tài sản C hai bên không yêu cầu tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn thì anh C, chị D không thỏa thuận được với nhau về phân chia tài sản C là 1.450.000.000đ cùng tiền lãi gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn- phòng giao dịch Võ Cường.

Nguồn gốc số tiền trên là do trong thời kỳ hôn nhân anh C, chị D có mua 01 thửa đất số 117, tờ bản đồ 84, diện tích 81m^2 tại Võ Cường, thành phố Bắc Ninh bằng tiền tích góp của hai vợ chồng. Năm 2010 thì anh chị có xây dựng 01 nhà hai tầng trên thửa đất này và được UBND thành phố Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà mang tên anh C, chị D.

Năm 2011, anh C, chị D thế chấp nhà đất trên tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh thành phố Bắc Ninh- Phòng giao dịch Võ Cường theo hợp đồng thế chấp số 48 ngày 16/12/2011 để đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 2602 LAV-201101625. Năm 2012, anh C đi xuất khẩu lao động, trước khi đi anh C có làm giấy ủy quyền cho chị D được thay mặt anh C thực hiện tiếp tục hợp đồng thế chấp và hợp đồng tín dụng trên. Nhận sổ đỏ và tất toán các khoản nợ gốc, lãi, lãi quá hạn tại Ngân hàng. Chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp thửa đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên theo quy định của pháp luật khi đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc. Sau đó, chị D đã chuyển nhượng nhà đất trên cho ai thì anh C không biết để lấy tiền trả nợ ngân hàng. Sau khi trả nợ vay Ngân hàng thì còn dư số tiền bán nhà đất còn lại là 1.450.000.000đ. Số tiền này chị D nhờ chị Nguyễn Thị T đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn- Phòng giao dịch Võ Cường từ ngày 03/8/2016.

Đến ngày 04/6/2018, chị D yêu cầu chị T rút toàn bộ khoản tiền gửi tiết kiệm trên để trả lại cho chịD và chị Thương cùng chịD và con trai là Lê Anh D đến phòng giao dịch Võ Cường để chị Thương rút toàn bộ tiền gốc gửi tiết kiệm là 1.450.000.000đ và tiền lãi là 117.861.500đ. Số tiền gốc 1.450.000.000đ chị D cho

con trai là Lê Anh D đứng tên sổ tiết kiệm gửi tại Phòng giao dịch Võ Cường. Đến ngày 31/7/2018 thì anh D đã rút toàn bộ số tiền này với tổng số tiền lãi theo ngân hàng cung cấp là 5.100.800đ; tổng tiền lãi là 122.962.300đ. Nay anh C xác định số tiền 1.450.000.000đ và 122.962.300đ tiền lãi phát sinh là tài sản chung của anh C, chị D; yêu cầu tòa án chia đôi số tiền gốc và lãi phát sinh cho anh C, chị D, tức anh C được hưởng 725.000.000đ tiền gốc và ½ tiền lãi phát sinh là 61.481.150đ.

Bị đơn là chị Vũ Thị D trình bày: Việc anh C và chị có quan hệ hôn nhân và đã ly hôn như anh C trình bày là đúng.

Trước khi anh C đi xuất khẩu lao động thì anh C có làm văn bản ủy quyền cho chị với nội dung như anh C trình bày ở trên là đúng. Năm 2016, chị có chuyển nhượng nhà đất của vợ chồng cho ai thì chị không nhớ để lấy tiền trả nợ cho Ngân hàng. Sau khi trả hết nợ cho Ngân hàng thì còn dư số tiền bán nhà đất là 1.450.000.000đ. Chị có nhờ chị Thương đứng tên sổ tiết kiệm gửi số tiền này tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn- Phòng giao dịch Võ Cường từ ngày 03/8/2016, kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 4%/năm. Đến ngày 04/6/2018, chị T đã rút toàn bộ tiền gốc là 1.450.000.000đ và tiền lãi để trả lại cho chị. Số tiền gốc 1.450.000.000đ chị tặng cho con trai là Lê Anh D để cháu D gửi tiết kiệm tại Phòng giao dịch Võ Cường. Còn số tiền lãi 117.861.500 chị T trả chị thì chị đã chi tiêu sinh hoạt hết. Chị xác định số tiền 1.450.000.000đ cùng tiền lãi phát sinh của khoản tiền này là tài sản chung của chị và anh C nhưng do chị đã tặng cho con trai là Lê Anh D cũng là con của anh C số tiền 1.450.000.000đ, tiền lãi chị đã chi tiêu hết nên không còn tiền để trả lại cho anh C. Do vậy, chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh C. Đối với việc chị tặng cho cháu D tiền thì chị không có yêu cầu gì về việc này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị T trình bày: Ngày 03/8/2016 chị có được chịD nhờ đứng tên sổ tiết kiệm gửi tiền tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn- Phòng giao dịch Võ Cường với số tiền gửi là 1.450.000.000đ. Đến ngày 04/6/2018 chị D có yêu cầu chị rút tiền để trả lại cho chị D nên chị cùng chị D và con trai chị D là Lê Anh D đến phòng giao dịch Võ Cường để rút tiền. Tại đây, chị đã rút toàn bộ số tiền gửi là 1.450.000.000đ cùng với tiền lãi cụ thể bao nhiêu thì chị không nhớ để trả lại cho chị D. Sau đó, chị D đã cho con trai là Lê Anh D đứng tên sổ tiết kiệm gửi lại số tiền 1.450.000.000đ tại Phòng giao dịch Võ Cường. Nay chị xác định đã trả chị D toàn bộ tiền gốc và lãi phát sinh của khoản tiền gửi 1.450.000.000đ và chị không còn liên quan gì đến khoản tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Lê Anh D trình bày: Ngày 04/6/2018, cháu cùng mẹ là chị D cùng với cô T có đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Phòng giao dịch Võ Cường để cô T rút tiền trả cho mẹ cháu mà trước đó mẹ cháu có nhờ cô T đứng tên sổ tiết kiệm gửi số tiền

1.450.000.000đ tại đây. Nguồn gốc số tiền này do mẹ cháu chuyển nhượng nhà đất của bố mẹ để trả nợ ngân hàng và còn dư ra số tiền này. Mẹ cháu đã cho cháu toàn bộ số tiền 1.450.000.000đ mà cô T trả. Cùng ngày, cháu có gửi lại số tiền 1.450.000.000đ tại phòng giao dịch Võ Cường. Sau đó, cháu đã rút toàn bộ số tiền này cùng tiền lãi để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Cháu xác định, số tiền 1.450.000.000đ mẹ cháu đã tặng cho cháu nên cháu có toàn quyền sử dụng số tiền này.

Cháu Lê Thị L là con gái của chịD, anh C trình bày: Đối với khối tài sản nhà đất tại Võ Cường, Tp Bắc Ninh trước đây mang tên bố mẹ thì cháu không có đóng góp gì vì nhà đất này do bố mẹ mua và xây dựng, lúc đó cháu còn nhỏ, đang đi học sống phụ thuộc bố mẹ. Sau đó, cháu được biết mẹ cháu đã bán nhà đất này để trả nợ ngân hàng và còn dư ra một khoản tiền. Khoản tiền đó mẹ cháu đã cho em trai là Lê Anh D, cháu không có ý kiến hay yêu cầu gì và xác định không có liên quan gì đến vụ án này. Do vậy, Tòa án không xác định chị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của đương sự là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: áp dụng điều 33, điều 59 luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị D phải trả anh C số tiền gốc là 725.000.000đ và số tiền lãi là 122.962.300 : 2 = 61.481.150đ, tổng là 786.481.150đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật và tố tụng: Anh C yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết phân chia tài sản C đối với bị đơn là chị Vũ Thị D hiện ở khu Bồ Sơn, phường Võ Cường. Căn cứ khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh; quan hệ pháp luật là "chia tài sản chung sau ly hôn". Bị đơn là chị D cũng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị T, anh D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn do anh N đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu chị D phải chích trả cho anh C ½ số tiền chuyển

nhượng nhà đất của vợ chồng còn lại sau khi trả nợ Ngân hàng là 1.450.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 122.962.300đ.

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh C và chị D là vợ chồng sau đó đã ly hôn theo quyết định số 162/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Theo quyết định này thì phần tài sản C hai bên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Xét nguồn gốc số tiền 1.450.000.000đ cùng tiền lãi phát sinh đang tranh chấp trong vụ án:

Dựa vào các lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận định: Lời trình bày của các đương sự cơ bản thống nhất về nguồn gốc số tiền 1.450.000.000đ đang tranh chấp là tiền chuyển nhượng nhà đất chung của anh C chị D, nhà đất này là của vợ chồng mua và xây dựng trong thời kỳ hôn nhân bằng tiền chung của hai vợ chồng sau khi trả nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn còn dư. Ngày 03/8/2016, chị D có nhờ chị T đứng tên số tiết kiệm gửi số tiền 1.450.000.000đ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn- Phòng giao dịch Võ Cường, kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 4%/năm. Đến ngày 04/6/2018, chịD yêu cầu chị T rút toàn bộ số tiền gửi 1.450.000.000đ cùng tiền lãi phát sinh là 117.861.500đ. Sau đó, chịD đã tặng cho con trai là Lê Anh D toàn bộ số tiền 1.450.000.000đ để anh D gửi tiết kiệm tại Phòng giao dịch Võ Cường. Số tiền lãi 117.861.500đ mà chị T trả thì chị đã chi tiêu sinh hoạt hết.

ChịD thừa nhận số tiền 1.450.000.000đ là tài sản chung của chị với anh C. Căn cứ bào biên bản xác minh tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Phòng giao dịch Võ Cường, Hội đồng xét xử xác định số tiền gốc 1.450.000.000đ và lãi suất tiết kiệm phát sinh tính đến ngày anh D rút toàn bộ tiền gốc là 122.962.300đ là tài sản chung hợp nhất của anh C và chị D. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đó là phân chia số tiền 1.450.000.000đ và tiền lãi tiết kiệm là 122.962.300đ theo tỷ lệ ngang bằng nhau. Do chịD đã tự ý tặng cho con trai là Lê Anh D toàn bộ số tiền 1.450.000.000đ mà không có sự đồng ý của anh C, còn tiền lãi chịD cũng một mình chi tiêu hết nên cần buộc chịD phải trích trả anh C ½ số tiền 1.450.000.000đ cùng tiền lãi phát sinh là phù hợp quy định của pháp luật. Đối với việc tặng cho anh D số tiền gốc 1.450.000.000đ thì chịD không có yêu cầu gì về việc này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí, quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn phải nộp án phí phân chia tài sản. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 28, 35, 147, 235, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ điều 29, 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đình C.

Xác định số tiền 1.450.000.000đ cùng tiền lãi 122.962.300đ, tổng cộng 1.572.962.300đ là tài sản chung hợp nhất của anh C và chịD.

Buộc chị Vũ Thị D phải trích trả anh Lê Đình C ½ số tiền trên là 786.481.150đ.

Anh C được sở hữu số tiền 786.481.150đ do chịD trả.

Về án phí: anh Lê Đình C phải chịu 35.459.246đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền anh C đã nộp 34.950.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0000977 ngày 09/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh. Anh C phải nộp thêm 509.246đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP Bắc Ninh;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự TP Bắc Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Hoàn

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Viêm Văn Doãn **Nguyễn Quốc Trung** **Ngô Thị Hoàn**